|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **DỰ THẢO 2 ngày 20/8/2025** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Hà Nội, ngày...tháng...năm…* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 100/2020/NĐ-CP NGÀY 28/8/2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 100/2020/NĐ-CP NGÀY 28/8/2020 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGHỊ ĐỊNH HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG** | **THUYẾT MINH** |
| ***Điều 2. Đối tượng áp dụng***  1. Người xuất cảnh, quá cảnh, nhập cảnh.  2. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.  3. Thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế.  4. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam.  5. Doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.  6. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.  7. Đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế.  8. Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế.  9. Tổ chức có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế.  10. Các cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế. | Bổ sung khoản 4a:  “4a. Người mua hàng miễn thuế tại Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.” | Bổ sung đối tượng áp dụng là Người mua hàng miễn thuế tại Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để tránh vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế tại các khu vực này. |
| ***Điều 3. Đối tượng và điều kiện mua hàng miễn thuế***  **1. Người xuất cảnh, quá cảnh sau khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế.**  a) Người xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu đường bộ quốc tế; cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế, **cửa khẩu cảng biển loại 1**, cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế nằm trong khu vực cách ly;  b) Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Hàng hóa miễn thuế được nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh;  c) Khách du lịch là người nước ngoài theo đoàn bằng đường biển, có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế được mua hàng miễn thuế tại **cửa khẩu cảng biển loại 1**, cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Trường hợp mua hàng miễn thuế trong nội địa thì khách du lịch được nhận hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa **khẩu cảng biển loại 1** nơi khách du lịch xuất cảnh;  d) Ngoài địa điểm nhận hàng quy định tại khoản này, khách mua hàng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này **(trừ khách mua hàng trên chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam)** được nhận hàng ở nước ngoài.  2. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay xuất cảnh. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam.  3. Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế đặt tại khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh, không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực hạn chế tại cảng hàng không dân dụng quốc tế.  4. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Khi mua hàng miễn thuế cho tổ chức phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế. Khi mua hàng miễn thuế cho cá nhân phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế kèm chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp hoặc hộ chiếu.  5. Đối tượng mua hàng là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế (bao gồm tàu biển có quốc tịch nước ngoài và tàu biển có quốc tịch Việt Nam chạy tuyến quốc tế) được mua hàng miễn thuế tại **cảng biển loại 1**, cửa hàng miễn thuế trong nội địa phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên để sử dụng trên tàu trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam và để sử dụng trên tàu ngoài lãnh hải Việt Nam sau khi tàu xuất cảnh.  a) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân thuyền viên phải xuất trình hộ chiếu hoặc thẻ đi bờ của thuyền viên;  b) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam, thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có đơn đặt hàng kèm theo danh sách thuyền viên có thông tin về số hộ chiếu của từng thuyền viên, trên đơn phải ghi rõ thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh;  c) Trường hợp hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam, thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có đơn đặt hàng, trên đơn đặt hàng phải ghi rõ thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh, kèm theo danh sách thuyền viên có thông tin số hộ chiếu của từng thuyền viên. Hàng hóa phải được đưa vào kho chứa của tàu để cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh niêm phong, xác nhận, giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh. | - Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3:  “1. **Người xuất cảnh, quá cảnh sau khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, quá cảnh, khách du lịch theo đoàn bằng đường biển hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế.**  a) Người xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu đường bộ quốc tế, cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế, **cửa khẩu** **cảng biển**, cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế nằm trong khu vực cách ly;  b) Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Hàng hóa miễn thuế được nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh;  c) Khách du lịch là người nước ngoài theo đoàn bằng đường biển, có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế được mua hàng miễn thuế tại **cửa khẩu cảng biển**, cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Trường hợp mua hàng miễn thuế trong nội địa thì khách du lịch được nhận hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại **cửa khẩu cảng biển** nơi khách du lịch xuất cảnh;  d) Ngoài địa điểm nhận hàng quy định tại khoản này, khách mua hàng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này được nhận hàng ở nước ngoài.”  - Thay thế cụm từ “cảng biển loại 1” thành cụm từ “cảng biển” tại khoản 5 Điều 3.  - Bổ sung khoản 6:  “6. Đối tượng mua hàng miễn thuế tại Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo quy định của từng Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.” | - Qua rà soát nhận thấy, khoản 1 và khoản 2 Điều 3 đều quy định đối tượng là hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam. Việc cùng một đối tượng nhưng được quy định tại hai khoản khác nhau dễ gây hiểu nhầm khi áp dụng. Do vậy, đề xuất bỏ đốsi tượng này tại khoản 1, giữ nguyên quy định của đối tượng này tại khoản 2 để đảm bảo tính mạch lạc, thống nhất, dễ tra cứu và tránh chồng chéo trong quy định pháp lý.  - Hiện nay, quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 3 Nghị định 100/2020/NĐ-CP chỉ đề cập tới “cảng biển loại 1”. Trong khi đó tại khoản 1 Điều 75 Bộ luật Hàng hải Việt Nam có 02 khái niệm “cảng biển đặc biệt”, “Cảng biển loại I”, cụ thể: (i) Cảng biển đặc biệt là cảng biển có quy mô lớn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng và có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc là cảng cửa ngõ quốc tế; (ii) Cảng biển loại I là cảng biển có quy mô lớn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng. Do đó, để bảo đảm tính thống nhất với quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 68/2016/NĐ-CP và Nghị định số 67/2020/NĐ-CP đã đề xuất bổ sung “cảng biển đặc biệt” vào vị trí được phép đặt cửa hàng miễn thuế. Trên cơ sở đó, Cục Hải quan đề xuất sửa đổi cụm từ “cửa khẩu cảng biển loại 1” tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 thành “cửa khẩu cảng biển” và sửa đổi cụm từ “cảng biển loại 1” tại khoản 5 Điều 3 thành “cảng biển”. Việc thay đổi này phù hợp với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 68/2016/NĐ-CP và Nghị định 67/2020/NĐ-CP.  - Bổ sung đối tượng mua hàng miễn thuế tại Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để tránh vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế tại các khu vực này. |
| ***Điều 5. Quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế***  1. Nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế được thực hiện theo Giấy phép của Bộ Công Thương.  2. Hồ sơ cấp phép  a) Công văn của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đề nghị cho phép nhập khẩu thuốc lá để bán tại cửa hàng miễn thuế theo Mẫu số 03/CV Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: 01 bản sao. Đối với doanh nghiệp đề nghị cấp phép lần đầu phải nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế: 01 bản sao;  c) Báo cáo tình hình nhập khẩu, tồn kho và tiêu thụ thuốc lá từ đầu năm đến thời điểm đề nghị cấp phép, có xác nhận của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 04/BCNKTKTL Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.  3. Trình tự, thủ tục cấp phép  a) Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Bộ Công Thương;  b) Thời gian cấp phép  Trong thời hạn 10 ngày làm việc (tính theo dấu công văn đến của Bộ Công Thương) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp để kinh doanh hàng miễn thuế. Trường hợp từ chối cấp phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp.  Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc (tính theo dấu công văn đến của Bộ Công Thương) kể từ ngày nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Bộ Công Thương thông báo và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ (hình thức thông báo bằng văn bản, fax, email, điện thoại,...) | **1.** Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 5 và bãi bỏ Mẫu số 03/CV Phụ lục II.  **2.** Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 5:  “1. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có trách nhiệm lập báo cáo tình hình nhập khẩu, tồn kho và tiêu thụ thuốc lá trong kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước đó, có xác nhận của cơ quan hải quan quản lý cửa hàng, kho chứa hàng miễn thuế và gửi Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 01 của năm kế tiếp. Báo cáo thực hiện theo Mẫu số 04/BCNKTKTL tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.  4. Thuốc lá điếu nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế phải in cảnh báo sức khỏe trên bao bì bằng Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh, đối với thuốc lá bán cho hành khách nhập cảnh phải dán nội dung cảnh báo sức khỏe bằng Tiếng Việt theo mẫu cảnh báo sức khỏe trên bao bì theo đơn vị đóng gói (bao/tút/cây) khi bán hàng cho khách hàng phù hợp với quy định pháp luật về phòng chống tác hại thuốc lá và Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC).” | **1.** Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 việc nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế bắt buộc phải có Giấy phép của Bộ Công Thương, cơ quan hải quan chỉ cho phép nhập khẩu thuốc lá vào cửa hàng miễn thuế để bán theo đúng giấy phép của Bộ Công Thương. Đề xuất bãi bỏ nội dung này vì các lý do sau:  - Đồng nhất việc quản lý hàng hóa là rượu, bia với thuốc lá. Do hiện nay việc quản lý mặt hàng rượu, bia kinh doanh hàng miễn thuế được quy định đơn giản hơn đối với thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế. Cụ thể:  + Mặt hàng rượu, bia được bán vượt định mức miễn thuế (phần hàng hóa vượt định mức sẽ phải chịu thuế và chính sách mặt hàng nhập khẩu), được phép chuyển tiêu thụ nội địa hoặc tái xuất không hạn chế cửa khẩu, và không cần xin giấy phép nhập khẩu để kinh doanh miễn thuế.  + Mặt hàng thuốc lá kinh doanh miễn thuế: áp dụng chính sách kiểm tra, giám sát hải quan, dán tem “VIET NAM DUTY NOT PAID”, giới hạn định mức miễn thuế giống như rượu, bia. Ngoài ra, thuốc lá không được bán vượt định mức, không được phép chuyển tiêu thụ nội địa, chỉ được tái xuất qua cửa khẩu đường biển, cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế, phải thực hiện thủ tục xin phép nhập khẩu để kinh doanh miễn thuế.  Hiện Bộ Công Thương thực hiện việc cấp phép chỉ dựa trên số lượng doanh nghiệp bán được tại cửa hàng miễn thuế, không hạn chế số lượng bán được trong 01 năm. Vì vậy, nhận thấy thủ tục cấp phép với thuốc lá là không cần thiết. Việc bãi bỏ giấy phép nhập khẩu thuốc lá để thống nhất cách quản lý giữa mặt hàng thuốc lá và mặt hàng rượu, bia, phù hợp với định hướng cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí và nguồn lực cho cả cơ quan quản lý và người thực hiện.  Ngoài ra, nhằm giúp Bộ Công Thương tiếp tục theo dõi được tình hình kinh doanh thuốc lá tại cửa hàng miễn thuế sau khi bãi bỏ thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá tại Điều 5, cần quy định yêu cầu doanh nghiệp thực hiện báo cáo hàng năm về tình hình nhập khẩu, tồn kho và tiêu thụ thuốc lá. Trước đây, nội dung này một phần trong hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu thuốc lá để bán tại cửa hàng miễn thuế, tuy nhiên sau khi bãi bỏ thủ tục cấp phép thì doanh nghiệp chỉ cần nộp báo cáo định kỳ một lần mỗi năm.  - Trước đây, thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, để bãi bỏ thủ tục cấp phép nhập khẩu thuốc lá bán tại cửa hàng miễn thuế, ngày 29/11/2017, Bộ Công Thương đã có văn bản số 11278/BCT-XNK báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét giao Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2016/NĐ-CP. Ngày 26/9/2022, Bộ Công Thương cũng đã có công văn số 5729/BCT-XNK đề nghị tham gia ý kiến đối với việc bãi bỏ thủ tục cấp phép nhập khẩu thuốc lá bán tại cửa hàng miễn thuế. Cả 02 lần đề xuất này đều không được phê duyệt. Tuy nhiên, với yêu cầu cắt giảm thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ và nhận thấy việc bãi bỏ giấy phép nhập khẩu thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế không ảnh hưởng tới công tác quản lý hải quan đối với mặt hàng thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế, tiếp tục đề xuất sửa đổi khoản 1, bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 5, Mẫu số 03/CV Phụ lục II (Mẫu Công văn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá) tại dự thảo Nghị định.  2. Để đảm bảo tính pháp lý của quy định về việc doanh nghiệp thực hiện việc dán cảnh báo sức khỏe bằng tiếng Việt trên bao bì thuốc lá bán trong cửa hàng miễn thuế cho khách nhập cảnh, đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5. |
| ***Điều 6. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế***  6. Hàng hóa bị đổ vỡ, hư hỏng, mất phẩm chất, kém chất lượng, hết hạn sử dụng, không được bán phục vụ tiêu dùng: Doanh nghiệp lập biên bản về tình trạng hàng hóa để tiêu hủy (có xác nhận của **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế) và tổ chức tiêu hủy theo quy định. Trước khi thực hiện tiêu hủy, doanh nghiệp phải có văn bản thông báo cụ thể về kế hoạch tiêu hủy cho **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế để tổ chức giám sát việc tiêu hủy theo quy định. | Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại khoản 6 Điều 6 | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| ***Điều 9. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế***  2. Đối với hàng hóa từ nội địa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế: Doanh nghiệp phải thông báo cho **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 10/DSHH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Sau khi nhận được phản hồi của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, doanh nghiệp được đưa hàng hóa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế**. Chi cục Hải quan** xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên cơ sở thông báo danh sách hàng hóa của doanh nghiệp thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.  Trường hợp có nghi ngờ về danh sách hàng hóa, trong vòng 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử phản hồi, **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử với thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo quyết định của **Cục trưởng Cục Hải quan**. **Cục trưởng Cục Hải quan** giao **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tổ chức thực hiện kiểm tra chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.  Đối với trường hợp phức tạp, **Cục trưởng Cục Hải quan** ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.  Nội dung kiểm tra và kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản kiểm tra theo Mẫu số 13/BBKT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.  Cơ quan hải quan thực hiện xác nhận thực tế hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử theo kết quả kiểm tra thực tế. | Thay thế một số cụm từ tại khoản 2 Điều 9:  - Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan” thành “Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực”;  - Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành “Hải quan”. | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| ***Điều 10. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế***  1. **Đối với kho chứa hàng miễn thuế đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, việc vận chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế** doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế tự chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý.  2. **Đối với kho chứa hàng miễn thuế đặt trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế khác với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế**  a) Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi thông tin hàng hóa đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi vận chuyển hàng hóa, khi vận chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế phải kèm theo chứng từ xuất kho. Trong trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển hàng hóa với cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục;  b) **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển theo nguyên tắc quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Phê duyệt văn bản thông báo của doanh nghiệp về việc vận chuyển trong trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố;  c) Ngay sau khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khôi phục, **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm thông báo (bằng văn bản, email, điện thoại, fax,...) với doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế về việc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khôi phục.  3. **Đối với trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, không đặt trong khu cách ly, khu vực hạn chế**:  a) Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi các thông tin (tên hàng, số lượng, tuyến đường vận chuyển) về việc vận chuyển hàng hóa đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi thực hiện vận chuyển hàng hóa, in 01 bản giấy về các thông tin về tên hàng, số lượng, tuyến đường vận chuyển dùng làm chứng từ lưu thông hàng hóa. Trong trường hợp thực hiện thủ công hoặc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp thực hiện thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển và chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt. Trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố được khắc phục doanh nghiệp phải gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đến đúng địa điểm đăng ký vận chuyển đến;  b) **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện để vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế; thực hiện phê duyệt vận chuyển hàng hóa trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử ngay sau khi doanh nghiệp gửi đến hoặc văn bản do doanh nghiệp xuất trình. Niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển, ghi rõ số niêm phong hải quan trên bản giấy của doanh nghiệp. Khi hàng hóa vận chuyển đến địa điểm, **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra niêm phong, xác nhận trên văn bản của doanh nghiệp, thực hiện giám sát hàng hóa nhập vào kho chứa hàng miễn thuế hoặc cửa hàng miễn thuế;  c) **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.  ***Điều 25. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa miễn thuế trong trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau***  1. Trách nhiệm của doanh nghiệp  a) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa để đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định tại **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;  b) Có hệ thống phần mềm quản lý đối với từng cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và được kết nối với các **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;  c) Khi hàng hóa xuất ra khỏi cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế để chuyển đến cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc quản lý của **Chi cục Hải quan** khác, doanh nghiệp lập phiếu xuất kho, phiếu xuất kho ghi rõ: Địa điểm cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế được vận chuyển đến, **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế được vận chuyển đến;  d) Chịu trách nhiệm vận chuyển nguyên trạng hàng hóa đến các địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế ghi trên phiếu xuất kho;  đ) Nộp báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này đến **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;  e) Tuân thủ các quy định về kiểm tra báo cáo quyết toán quy định tại Điều 24 Nghị định này.  2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan nơi hàng hóa chuyển đi  a) Thực hiện giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện vận chuyển, niêm phong hải quan;  b) Căn cứ thông tin trên phiếu xuất kho, thực hiện **lập 02 biên bản bàn giao** hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo Mẫu số 06/BBBG Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và giao cho doanh nghiệp để chuyển đến **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế nơi hàng hóa được vận chuyển đến;  c) Theo dõi thông tin về hàng hóa được vận chuyển đi, chủ trì truy tìm trong trường hợp quá thời hạn nhưng hàng hóa chưa đến địa điểm được vận chuyển đến;  d) Theo dõi việc luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên hệ thống phần mềm của doanh nghiệp.  3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan nơi hàng hóa chuyển đến  a) Căn cứ biên bản bàn giao do **Chi cục Hải quan** nơi hàng hóa chuyển đi lập, thực hiện giám sát hàng hóa đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế;  b) Thực hiện **xác nhận trên 02 biên bản bàn giao**, **01 bản giao cho doanh nghiệp, 01 bản gửi cho Chi cục Hải quan** nơi hàng chuyển đi;  c) Theo dõi thông tin về hàng hóa vận chuyển, phối hợp với **Chi cục Hải quan** nơi hàng hóa được vận chuyển đi để truy tìm trong trường hợp quá thời hạn nhưng hàng chưa đến địa điểm được vận chuyển đến;  d) Theo dõi việc luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên hệ thống phần mềm của doanh nghiệp.  4. **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo quyết toán do doanh nghiệp nộp và kiểm tra báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 24 Nghị định này. | - Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành “Hải quan” tại điểm b, điểm c khoản 2, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 10, Điều 25  - Trình bày lại ngôn ngữ viết tại Điều 10 để thống nhất và dễ hiểu, cụ thể:  + Sửa đổi tên Điều 10 từ “Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế” thành “Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế”.  + Sửa đổi tên khoản 1 Điều 10 từ “Đối với kho chứa hàng miễn thuế đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, việc vận chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế” thành “Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại cùng vị trí”.  + Sửa đổi tên khoản 2 Điều 10 từ “Đối với kho chứa hàng miễn thuế đặt trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế khác với địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế” thành “Trường hợp luân chuyển hàng giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau nhưng cùng nằm trong khu vực cách ly, khu vực hạn chế”.  + Sửa đổi tên khoản 3 Điều 10 từ “Đối với trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không đặt tại vị trí cùng với cửa hàng miễn thuế, không đặt trong khu cách ly, khu vực hạn chế” thành “Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế đặt tại vị trí khác nhau và nằm ngoài khu vực cách ly, khu vực hạn chế”.  - Sửa đổi, bổ sung điều 25 theo hướng doanh nghiệp gửi thông tin vận chuyển hàng hóa đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi vận chuyển hàng hóa, cơ quan hải quan căn cứ thông tin doanh nghiệp gửi trên Hệ thống để lập biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.  - Ghép Điều 25 thành khoản 4 Điều 10, cụ thể như sau:  “4. Trường hợp luân chuyển hàng hóa giữa các kho chứa hàng miễn thuế, giữa các cửa hàng miễn thuế, giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các **đơn vị hải quan** khác nhau  a) **Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi thông tin về phiếu xuất kho (tên hàng, số lượng, địa điểm cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế được vận chuyển đến, Hải quan nơi hàng hóa được vận chuyển đến, tuyến đường vận chuyển) đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi vận chuyển hàng hóa đến cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thuộc quản lý của Hải quan khác. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp gửi thông tin về phiếu xuất kho (bản giấy) tới cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục;**  Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển nguyên trạng hàng hóa đến các địa điểm đặt cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế **theo đúng thông tin về phiếu xuất kho đã gửi tới hệ thống xử lý dữ liệu điện tử**.  b) **Hải quan** nơi hàng hóa chuyển đi thực hiện:  Giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện vận chuyển, niêm phong hải quan;  Căn cứ thông tin **về phiếu xuất kho đã gửi tới hệ thống xử lý dữ liệu điện tử**, thực hiện **lập biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử** theo Mẫu số 06/BBBG Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này**, in 01 biên bản bàn giao từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và giao cho doanh nghiệp làm chứng từ vận chuyển hàng hóa**. **Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, Hải quan nơi hàng hóa chuyển đi căn cứ thông tin về phiếu xuất kho (bản giấy) doanh nghiệp gửi,** thực hiện lập biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo Mẫu số 06/BBBG Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, giao cho doanh nghiệp để chuyển đến **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế nơi hàng hóa được vận chuyển đến;  Theo dõi thông tin về hàng hóa được vận chuyển đi, chủ trì truy tìm trong trường hợp quá thời hạn nhưng hàng hóa chưa đến địa điểm được vận chuyển đến;  Theo dõi việc luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên **hệ thống xử lý dữ liệu điện tử**.  c) **Hải quan** nơi hàng hóa chuyển đến thực hiện:  Căn cứ biên bản bàn giao do **Hải quan** nơi hàng hóa chuyển đi lập, thực hiện giám sát hàng hóa đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế;  Xác nhận trên **Hệ thống biên bản bàn giao, xác nhận trên bản giấy của doanh nghiệp xuất trình và giao cho doanh nghiệp lưu trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố**;  Theo dõi thông tin về hàng hóa vận chuyển, phối hợp với **Hải quan** nơi hàng hóa được vận chuyển đi để truy tìm trong trường hợp quá thời hạn nhưng hàng chưa đến địa điểm được vận chuyển đến;  Theo dõi việc luân chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế trên **hệ thống xử lý dữ liệu điện tử**.”  - Bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:  “5. Trường hợp luân chuyển hàng hóa miễn thuế giữa các kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế tại các Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam khác nhau thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.” | - Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới.  - Căn cứ quy định tại Điều 25, việc lập và xác nhận biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế theo Mẫu số 06/BBBG đang được thực hiện trên bản giấy. Trong khi đó, hiện nay Hệ thống quản lý cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế đã hoàn thiện và sử dụng ổn định. Do đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 25 theo hướng doanh nghiệp gửi thông tin phiếu xuất kho đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi vận chuyển hàng hóa, cơ quan hải quan căn cứ thông tin tại phiếu xuất kho này để lập biên bản bàn giao hàng hóa miễn thuế vận chuyển chịu sự giám sát hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.  - Hiện nay, Điều 10 quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với việc vận chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế. Trong khi đó, Điều 25 cũng quy định nội dung tương tự nhưng áp dụng cho trường hợp một doanh nghiệp có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau. Nhận thấy, về bản chất, Điều 10 và Điều 25 đều quy định về thủ tục luân chuyển hàng hóa giữa kho chứa hàng miễn thuế và cửa hàng miễn thuế. Việc tách thành hai điều riêng biệt gây phân tán thông tin, khó tra cứu, áp dụng. Vì thế, đề xuất ghép Điều 25 vào thành khoản 4 Điều 10, đồng thời rà soát, chỉnh lý lại ngôn ngữ thể hiện tại Điều 10 và Điều 25 nhằm tăng tính rõ ràng, nhất quán, dễ hiểu và đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Cục Hải quan.  - Bổ sung quy định về luân chuyển hàng hóa miễn thuế giữa các kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng miễn thuế tại các Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam khác nhau để tránh vướng mắc trên thực tế và tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế tại các khu vực này. |
| ***Điều 11. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam***  1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế  a) Khi đưa hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay, doanh nghiệp gửi phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 08/PGHKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;  b) Thực hiện vận chuyển hàng hóa dưới sự giám sát của Chi cục Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế từ kho chứa hàng miễn thuế đến tàu bay;  c) Đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện niêm phong xe hàng miễn thuế trước khi đưa xe hàng ra khỏi tàu bay;  d) Lập 02 bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 09/BKTMKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, xuất trình cho cơ quan hải quan ngay sau khi nhận bàn giao từ đại diện của tiếp viên hàng không. Cập nhật vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử các thông tin trên bảng kê lượng tiền mặt.  2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý kho chứa hàng miễn thuế  a) Giám sát hàng hóa xếp lên xe hàng, niêm phong hải quan, giám sát việc đưa hàng đến cửa tàu bay. Xác nhận vào phiếu giao nhận hàng hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;  b) Giám sát xe hàng từ tàu bay xuống để nhập kho, kiểm tra, giám sát xe hàng vào kho và xác nhận trên phiếu nhập kho của doanh nghiệp;  c) Xác nhận 02 bảng kê lượng tiền mặt do doanh nghiệp xuất trình ngay sau khi doanh nghiệp nhận bàn giao từ đại diện tiếp viên hàng không, lưu 01 bản và chuyển doanh nghiệp 01 bản, thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. | - Tách riêng 02 trường hợp tại Điều 11:  + Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly  + Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không nằm trong khu cách ly  - Sửa đổi tên Điều 11.  Cụ thể như sau:  “**Điều 11. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa luân chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam**  1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế  a) Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly  Doanh nghiệp gửi thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 08/PGHKVTB và bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 09/BKTMKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trước khi vận chuyển hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay và ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển từ tàu bay về kho chứa hàng miễn thuế.  Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp gửi Mẫu số 08/PGHKVTB và Mẫu số 09/BKTMKVTB (bản giấy) tới cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục.  b) Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không nằm trong khu cách ly  Khi đưa hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay: Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa theo Mẫu số 08/PGHKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp thực hiện thông báo bằng văn bản về việc vận chuyển và chỉ được vận chuyển hàng hóa sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt. Trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố được khắc phục doanh nghiệp phải gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng miễn thuế từ kho chứa hàng miễn thuế đến tàu bay.  Đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế: Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện niêm phong xe hàng miễn thuế trước khi đưa xe hàng ra khỏi tàu bay. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng miễn thuế từ tàu bay về kho hàng miễn thuế. Trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện gửi thông tin về hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế theo Mẫu số 08/PGHKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Thực hiện lưu giữ xe hàng miễn thuế thu hồi từ các chuyến bay quốc tế trong kho chứa hàng miễn thuế và chỉ mở niêm phong sau khi Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế xác nhận thông tin về hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.  Doanh nghiệp có trách nhiệm lập 02 bảng kê lượng tiền mặt theo Mẫu số 09/BKTMKVTB Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này bằng bản giấy, xuất trình cho cơ quan hải quan sau khi nhận bàn giao từ đại diện của tiếp viên hàng không. Cập nhật vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử các thông tin trên bảng kê lượng tiền mặt.  2. Trách nhiệm của **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế  a) Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly  **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển theo nguyên tắc quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Phê duyệt bản giấy Mẫu số 08/PGHKVTB và Mẫu số 09/BKTMKVTB của doanh nghiệp trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố.  Ngay sau khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khôi phục, **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm thông báo (bằng văn bản, email, điện thoại, fax,...) với doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế về việc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khôi phục.  b) Trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không nằm trong khu cách ly  Khi đưa hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế lên tàu bay: **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện giám sát hàng hóa xếp lên xe hàng, niêm phong hải quan và phê duyệt vận chuyển hàng hóa đi trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử ngay sau khi doanh nghiệp gửi đến hoặc văn bản do doanh nghiệp xuất trình.  Đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế: **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện giám sát xe hàng miễn thuế không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế được chuyển vào kho. Xác nhận thông tin về hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.  **Đội trưởng Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển từ kho hàng miễn thuế đến khu cách ly theo nguyên tắc quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.  3. Trách nhiệm của **Hải quan** **cửa khẩu** sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh trong trường hợp kho chứa hàng miễn thuế không nằm trong khu cách ly  a) Thực hiện đối chiếu niêm phong hải quan khi xe hàng miễn thuế đưa vào khu cách ly.  b) Kiểm tra thực tế hàng hóa được vận chuyển trong khu cách ly theo nguyên tắc quản lý rủi ro hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.  c) Xác nhận trên 02 bảng kê lượng tiền mặt do doanh nghiệp xuất trình (sau khi doanh nghiệp nhận bàn giao từ đại diện tiếp viên hàng không), lưu 01 bản, chuyển doanh nghiệp 01 bản, đồng thời thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. | - Điều 11 quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa kho chứa hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng miễn thuế trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam. Tuy nhiên, tại Điều 11 đang quy định quy trình giám sát chung cho cả 02 trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly và trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm ngoài khu cách ly.  Qua thực tiễn triển khai, đã xuất hiện vướng mắc của Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam khi cơ quan hải quan không thống nhất quy trình kiểm tra, giám sát việc vận chuyển hàng hóa miễn thuế giữa kho chứa hàng miễn thuế của Công ty với tàu bay tại Sân bay Tân Sơn Nhất (kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly) và Sân bay Nội Bài (kho chứa hàng miễn thuế nằm ngoài khu cách ly).  Qua đánh giá, trường hợp vận chuyển hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế nằm trong khu cách ly đến tàu bay và ngược lại có mức độ rủi ro thấp hơn, không cần giám sát chặt chẽ như đối với trường hợp kho chứa hàng miễn thuế nằm ngoài khu cách ly. Vì vậy, để khắc phục bất cập trên, đồng thời giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp, cần tách riêng 02 trường hợp để đơn giản hóa thủ tục hành chính, thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.  Việc phân tách thành 02 trường hợp giúp làm rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan hải quan trong từng tình huống cụ thể, tăng tính minh bạch, đồng thời giảm được khối lượng công việc không cần thiết trong trường hợp mức độ rủi ro thấp, giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp.  - Ngoài ra, sửa đổi tên Điều 11 để phù hợp với cách dùng từ tại Điều 10. |
| ***Điều 12. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển giữa các kho chứa hàng miễn thuế của một doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế với tàu bay để bán hàng trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam trong trường hợp tàu bay nhập cảnh tại sân bay quốc tế khác với sân bay quốc tế tàu bay xuất cảnh***  2. Trách nhiệm của **Chi cục Hải quan cửa khẩu** sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh  a) Thực hiện quy định tại **điểm a khoản 2 Điều 11** Nghị định này khi xe hàng miễn thuế được vận chuyển từ kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay xuất cảnh lên tàu bay xuất cảnh;  b) Căn cứ biên bản bàn giao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, thực hiện giám sát xe hàng đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay xuất cảnh; ký tên, đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận trên biên bản bàn giao và trả lại doanh nghiệp; cập nhật thông tin hàng hóa vận chuyển đến trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử **và xác nhận trên phiếu nhập kho của doanh nghiệp**;  c) Theo dõi thông tin về quá trình vận chuyển của xe hàng miễn thuế, phối hợp với **Chi cục Hải quan cửa khẩu** sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh để xác minh trong trường hợp quá thời gian ghi trên biên bản bàn giao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này nhưng xe hàng chưa được vận chuyển đến sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh.  3. Trách nhiệm của **Chi cục Hải quan cửa khẩu** sân bay quốc tế nơi tàu bay nhập cảnh  **b) Thực hiện** **quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định này**;  c) Căn cứ thông tin về phiếu giao nhận hàng hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện niêm phong xe hàng, lập biên bản bàn giao xe hàng miễn thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử theo Mẫu số 06/BBBG Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, cập nhật số niêm phong vào biên bản bàn giao, in 01 bản biên bản bàn giao từ hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và giao cho doanh nghiệp để chuyển xe hàng đến **Chi cục Hải quan cửa khẩu** sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh;  d) Theo dõi thông tin về quá trình vận chuyển của xe hàng miễn thuế, chủ trì xác minh và xử lý vi phạm (nếu có) trong trường hợp quá thời gian ghi trên biên bản bàn giao nhưng chưa nhận được xác nhận của **Chi cục Hải quan cửa khẩu** sân bay quốc tế nơi tàu bay xuất cảnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. | - Sửa đổi tên Điều 12.  - Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan cửa khẩu” thành cụm từ “Hải quan cửa khẩu” tại khoản 2, khoản 3 Điều 12.  - Sửa đổi cụm từ “điểm a khoản 2 Điều 11” thành “khoản 2, khoản 3 Điều 11” tại điểm a khoản 2 Điều 12.  - Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 12 thành:  “b) Căn cứ biên bản bàn giao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, thực hiện giám sát xe hàng đưa từ phương tiện vận chuyển vào kho chứa hàng miễn thuế tại sân bay xuất cảnh; ký tên, đóng dấu công chức hải quan, ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận trên biên bản bàn giao và trả lại doanh nghiệp; cập nhật thông tin hàng hóa vận chuyển đến trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.”  - Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 12 thành:  “b) Thực hiện xác nhận trên 02 bảng kê lượng tiền mặt do doanh nghiệp xuất trình (sau khi doanh nghiệp nhận bàn giao từ đại diện tiếp viên hàng không), lưu 01 bản, chuyển doanh nghiệp 01 bản, đồng thời thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.” | - Sửa đổi tên Điều 12 để phù hợp với cách sử dụng từ tại Điều 10 và Điều 11.  - Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới.  - Căn cứ nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 11, sửa đổi một số nội dung của Điều 12 cho phù hợp  - Đề xuất bỏ phiếu nhập kho của doanh nghiệp do trên thực tế các doanh nghiệp không sử dụng Phiếu này và thông tin hàng hóa được vận chuyển đến cũng đã được cập nhật trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử nên không ảnh hưởng tới việc quản lý của cơ quan hải quan. |
| ***Điều 13. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, khách trên tàu bay xuất cảnh, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam***  1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng cho khách xuất cảnh, quá cảnh tại khu cách ly  a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành;  b) Nhập dữ liệu vào phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về khách hàng và hàng hóa khách hàng mua  Thông tin về khách hàng gồm: Họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy thông hành; số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành; quốc tịch; số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date) được ghi trên thẻ tàu bay (boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không hoặc ngày khởi hành của phương tiện đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường sắt, đường biển.  Riêng trường hợp bán hàng cho khách xuất cảnh, quá cảnh qua cảng hàng không dân dụng quốc tế, thực hiện cập nhật thông tin về khách hàng thông qua việc quét mã vạch trên thẻ lên tàu bay (boarding pass).  Thông tin về hàng hóa gồm: Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu; số lượng, trị giá của từng mặt hàng;  c) Thực hiện gửi thông tin quy định tại điểm b khoản này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;  d) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định;  đ) Lưu hóa đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn).  2. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng trên tàu bay xuất cảnh  a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu;  b) Khi bán hàng, tiếp viên hàng không phải ghi đầy đủ thông tin gồm: tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (boarding pass), tên hàng, đơn vị tính, số lượng, trị giá trên hóa đơn bán hàng. Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập;  c) Trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định (khi tàu bay thực hiện chuyến bay về Việt Nam), doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phải kê khai trên phần mềm của doanh nghiệp và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử các nội dung gồm: tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (boarding pass), tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập, số lượng, trị giá trên hóa đơn bán hàng. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện gửi dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục.  3. Trách nhiệm của doanh nghiệp, nhân viên bán hàng cho khách du lịch bằng đường biển  a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;  b) Nhập dữ liệu vào phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về khách hàng và hàng hóa khách hàng mua.  Thông tin về khách hàng gồm: họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; số hộ chiếu hoặc số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; quốc tịch; ngày khởi hành của phương tiện; tên tàu, ngày đến cảng.  Thông tin về hàng hóa gồm: tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập; số lượng, trị giá của từng mặt hàng;  c) Thực hiện gửi thông tin quy định tại điểm b khoản này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;  d) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm - nếu có) theo quy định;  đ) Lưu hóa đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn);  e) Giao hàng cho khách hàng sau khi khách hàng đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh;  g) Trường hợp khách hàng mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa và giao hàng cho khách ở cửa khẩu xuất:  Thực hiện lập 02 liên phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và gửi dữ liệu phiếu giao hàng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, thực hiện gửi dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khôi phục.  Chịu trách nhiệm vận chuyển và xuất trình hàng hóa kèm theo 02 liên phiếu giao hàng với hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh để bàn giao hàng hóa cho người mua hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh.  Trường hợp doanh nghiệp không xuất trình được phiếu giao hàng có xác nhận của hải quan cửa khẩu khi Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra thì doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đủ thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định hiện hành đối với số hàng đã bán.  4. Trách nhiệm của doanh nghiệp, nhân viên bán hàng cho thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam  a) Yêu cầu thuyền viên xuất trình hộ chiếu hoặc giấy phép đi bờ của thuyền viên. Kiểm tra thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử để bán hàng đúng định lượng quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này;  b) Nhập dữ liệu vào phần mềm của doanh nghiệp các thông tin về thuyền viên và hàng hóa thuyền viên mua.  Thông tin về thuyền viên gồm: họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy phép đi bờ của thuyền viên; số hộ chiếu hoặc số giấy phép đi bờ của thuyền viên; quốc tịch; ngày khởi hành của phương tiện; hoặc tên tàu, ngày đến cảng đối với khách hàng sử dụng giấy phép đi bờ của thuyền viên.  Thông tin về hàng hóa gồm: tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập; số lượng, trị giá;  c) Thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;  d) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) theo quy định;  đ) Lưu hóa đơn bán hàng theo ngày bán hàng (trường hợp hóa đơn bán hàng là từng cuộn thì lưu theo từng cuộn).  5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế  a) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này;  b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;  c) Theo dõi, phản hồi về phiếu giao hàng đã được cơ quan hải quan xác nhận quy định tại khoản 6 Điều này.  6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất nơi người mua hàng xuất cảnh trong trường hợp mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa  a) Tiếp nhận phiếu giao hàng quy định tại điểm g khoản 3 Điều này do nhân viên của cửa hàng miễn thuế xuất trình tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh;  b) Kiểm tra đối chiếu hàng với nội dung kê khai trên phiếu giao hàng;  c) Xác nhận ký tên và đóng dấu công chức trên phiếu giao hàng;  d) Giao 01 liên phiếu giao hàng cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lưu và lưu 01 liên;  đ) Cuối mỗi ngày (ca) công chức hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, trong vòng 24 giờ sau khi hệ thống được khắc phục, thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận. | - Ghép Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16.  - Thêm trường hợp khách mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa nhưng không tới nhận hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly.  - Bổ sung trường hợp đối tượng mua hàng miễn thuế tại các Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.  Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:  **“Điều 13. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa, người xuất cảnh, quá cảnh, khách du lịch bằng đường biển, khách trên tàu bay xuất cảnh, hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam, người mua hàng miễn thuế tại Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam**  1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế, nhân viên bán hàng  a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu hoặc các loại giấy tờ đi lại sau: Giấy thông hành trong trường hợp đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa hoặc khách xuất cảnh, quá cảnh tại khu cách ly hoặc người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế; Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế trong trường hợp đối tượng mua là khách du lịch bằng đường biển; Giấy phép đi bờ của thuyền viên trong trường hợp đối tượng mua là thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam.  Trường hợp đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, nhân viên bán hàng yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu và thẻ lên tàu bay.  b) Kiểm tra định mức mua hàng miễn thuế  Nhân viên bán hàng kiểm tra thông tin trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về định mức mua hàng miễn thuế đối với đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này; thuyền viên phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này.  c) Nhân viên bán hàng ghi nhận đầy đủ các thông tin sau:  Thông tin về khách hàng: họ và tên người mua hàng đúng theo hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại quy định tại điểm a khoản này; số hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại quy định tại điểm a khoản này; quốc tịch.  Thông tin chuyến bay hoặc phương tiện di chuyển: số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date) được ghi trên thẻ tàu bay (boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh, nhập cảnh bằng đường hàng không hoặc ngày khởi hành của phương tiện đối với người xuất cảnh, quá cảnh, nhập cảnh bằng đường sắt, đường biển; số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (boarding pass) đối với hành khách trên tàu bay xuất cảnh hoặc đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam; ngày khởi hành của phương tiện, tên tàu, ngày đến cảng đối với khách du lịch bằng đường biển hoặc thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam. Riêng trường hợp đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa, nhân viên bán hàng không cần lấy thông tin ngày, giờ xuất cảnh của khách hàng.  Thông tin hàng hóa: tên hàng, đơn vị tính, số lượng, trị giá của từng mặt hàng trên hóa đơn bán hàng. Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, danh sách hàng hóa đưa vào cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế đối với hàng hóa có nguồn gốc từ nội địa.  d) Gửi thông tin quy định tại điểm c khoản này đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử:  Trường hợp bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người xuất cảnh, quá cảnh, người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế, khách du lịch bằng đường biển, thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam: doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phải gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử thông tin quy định tại điểm c khoản này ngay sau khi bán hàng miễn thuế.  Trường hợp bán hàng miễn thuế trên máy bay: trong vòng 24 giờ kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định (khi tàu bay thực hiện chuyến bay về Việt Nam), doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phải kê khai trên phần mềm của doanh nghiệp và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử thông tin quy định tại điểm c khoản này.  Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.  đ) Xuất hóa đơn bán hàng (bao gồm cả hàng tặng kèm sản phẩm, nếu có) và lưu trữ hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn.  e) Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế giao hàng cho đối tượng mua là khách du lịch bằng đường biển sau khi khách hàng đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh.  g) Trường hợp đối tượng mua là khách du lịch bằng đường biển hoặc người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa:  Thực hiện lập 02 liên Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (trừ trường hợp giao hàng ở nước ngoài theo yêu cầu của khách) và gửi dữ liệu Phiếu giao hàng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, thực hiện gửi dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khôi phục.  Chịu trách nhiệm vận chuyển và xuất trình hàng hóa kèm theo 02 liên Phiếu giao hàng với **Hải quan cửa khẩu** nơi người mua hàng xuất cảnh để bàn giao hàng hóa cho người mua hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh.  Trường hợp doanh nghiệp không xuất trình được Phiếu giao hàng có xác nhận của hải quan cửa khẩu khi **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra thì doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có trách nhiệm nộp đủ thuế **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định** như đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định hiện hành đối với số hàng đã bán.  **Trường hợp người mua hàng không đến nhận hàng tại quầy nhận hàng, doanh nghiệp thực hiện gửi thông tin hủy Phiếu giao hàng tới hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản về việc hủy Phiếu giao hàng với cơ quan hải quan và gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử trong vòng 24 giờ kể từ khi sự cố hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục. Sau khi được cơ quan hải quan phê duyệt, doanh nghiệp chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa về cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế nơi hàng hóa đã xuất đi.**  Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của **đơn vị hải quan** khác nhau, khi thực hiện bán hàng cho khách chờ xuất cảnh tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa, doanh nghiệp được xuất hàng hóa cho khách từ cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp thuộc quản lý của **Hải quan cửa khẩu** nơi người mua hàng xuất cảnh.  h) Trường hợp đối tượng mua là người nhập cảnh tại sân bay quốc tế và hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế theo quy định  Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lập 02 Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục II ban hành kèm Nghị định này thông báo cho cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập (bằng bản giấy và gửi dữ liệu trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử). Nhận lại và lưu 01 Phiếu thông báo đã ký tên, đóng dấu công chức của công chức hải quan tại cửa khẩu nhập. Riêng mặt hàng thuốc lá không được bán vượt định mức miễn thuế.  **i) Trường hợp đối tượng mua tại Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam**  **Việc yêu cầu loại giấy tờ xuất trình, kiểm tra định mức miễn thuế của người mua hàng miễn thuế thực hiện theo quy định của từng Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.**  2. Trách nhiệm của **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế  a) **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này;  b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, **Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;  c) Theo dõi, phản hồi về phiếu giao hàng đã được cơ quan hải quan xác nhận quy định tại khoản 3 Điều này.  d) Thu thuế **và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định**, lưu bản chụp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 26 đối với các trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.  **đ) Trong trường hợp doanh nghiệp hủy Phiếu giao hàng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế có trách nhiệm kiểm tra niêm phong quy định tại điểm e khoản 3 Điều này, thực hiện giám sát hàng hóa nhập vào kho chứa hàng miễn thuế hoặc cửa hàng miễn thuế.**  3. Trách nhiệm của **Hải quan cửa khẩu** xuất nơi người mua hàng xuất cảnh trong trường hợp mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa  a) Tiếp nhận Phiếu giao hàng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này do nhân viên của cửa hàng miễn thuế xuất trình tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh;  b) Kiểm tra đối chiếu hàng với nội dung kê khai trên Phiếu giao hàng;  c) Xác nhận ký tên và đóng dấu công chức trên Phiếu giao hàng;  d) Giao 01 liên Phiếu giao hàng cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lưu và lưu 01 liên;  đ) Cuối mỗi ngày (ca) công chức hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, trong vòng 24 giờ sau khi hệ thống được khắc phục, thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận.  **e) Thực hiện phê duyệt thông tin hủy Phiếu giao hàng trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử ngay sau khi doanh nghiệp gửi đến hoặc văn bản do doanh nghiệp xuất trình. Niêm phong hàng hóa trước khi vận chuyển, ghi rõ số niêm phong hải quan trên bản giấy của doanh nghiệp**.” | - Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 hiện đang quy định về thủ tục bán hàng miễn thuế cho các đối tượng sau:  + Người xuất cảnh, quá cảnh;  + Khách trên tàu bay xuất cảnh;  + Khách du lịch bằng đường biển;  + Thuyền viên mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam;  + Người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế;  + Hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam;  + Người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa.  Qua rà soát, các quy định này có nhiều điểm chung đều quy định về thủ tục bán hàng cho các đối tượng và để giảm bớt thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, đề xuất quy định thành 01 thủ tục chung tại Điều 13, bãi bỏ Điều 14, Điều 15, Điều 16.  - Nghị định 100/2020/NĐ-CP chưa có quy định về kiểm tra, giám sát hải quan trong trường hợp người mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa nhưng không đến nhận hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly. Qua đánh giá, trường hợp này có thể xảy ra trên thực tế, nếu không có quy định về kiểm tra, giám sát, doanh nghiệp sẽ không có căn cứ để xử lý hàng hóa này. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp cũng như cơ quan hải quan khi thực tiễn có phát sinh mà không có quy định để thực hiện. Do đó, đề xuất bổ sung vào Điều 13 quy định về kiểm tra, giám sát hàng hóa trong trường hợp người mua hàng miễn thuế không đến nhận hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly.  - Bổ sung trường hợp đối tượng mua hàng miễn thuế tại Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để tránh vướng mắc trên thực tế và tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế tại các khu vực này. |
| ***Điều 14. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế***  1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng  a) Thực hiện đầy đủ các công việc quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;  b) Đối với trường hợp khách hàng mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lập 02 Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục II ban hành kèm Nghị định này thông báo cho cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập (bằng bản giấy và gửi dữ liệu trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử). Nhận lại và lưu 01 Phiếu thông báo đã ký tên, đóng dấu công chức của công chức hải quan tại cửa khẩu nhập. Riêng mặt hàng thuốc lá không được bán vượt định mức miễn thuế.  2. Người mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế có trách nhiệm: thực hiện kê khai, nộp thuế và các quy định pháp luật liên quan đến việc nhập khẩu đối với hàng hóa vượt định mức miễn thuế với cơ quan hải quan và nộp các chứng từ liên quan theo quy định của pháp luật.  3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế  a) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này;  b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;  c) Thu thuế, lưu bản chụp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều này. |
| ***Điều 15. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là hành khách đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam***  1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng (tiếp viên hàng không), doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế  a) Yêu cầu khách hàng xuất trình hộ chiếu, thẻ lên tàu bay;  b) Khi bán hàng, tiếp viên hàng không phải ghi đầy đủ thông tin: tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (boarding pass), tên hàng, đơn vị tính, số lượng, trị giá trên hóa đơn bán hàng. Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng, đơn vị tính đã khai báo trên tờ khai nhập;  c) Chậm nhất 24 giờ, kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định theo quy định, doanh nghiệp kê khai trên hệ thống phần mềm của doanh nghiệp các thông tin gồm: tên khách hàng, số hộ chiếu, quốc tịch, số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date), tên hàng, số lượng, trị giá, tổng lượng, tổng trị giá. Thực hiện gửi thông tin đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khắc phục, doanh nghiệp gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử;  d) Đối với trường hợp khách hàng mua hàng vượt định mức miễn thuế theo quy định, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lập 02 Phiếu thông báo theo Mẫu số 01/PTBHVĐM Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, thông báo cho bộ phận hải quan tại cửa khẩu nhập (bằng bản giấy và truyền dữ liệu trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử). Nhận lại và lưu 01 Phiếu thông báo đã ký tên, đóng dấu công chức của công chức hải quan tại cửa khẩu nhập. Riêng mặt hàng thuốc lá không được bán vượt định mức miễn thuế.  2. Người mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế có trách nhiệm: thực hiện kê khai, nộp thuế và các quy định pháp luật liên quan đến việc nhập khẩu đối với hàng hóa vượt định mức miễn thuế với cơ quan hải quan và nộp các chứng từ liên quan theo quy định của pháp luật.  3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế  a) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này;  b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, hoặc kiểm tra trực tiếp hàng hóa tại kho chứa hàng miễn thuế;  c) Thực hiện thu thuế, lưu bản chụp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều này. |
| ***Điều 16. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là người chờ xuất cảnh mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa***  1. Trách nhiệm của nhân viên bán hàng  a) Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này, trừ việc cập nhật thông tin về ngày, giờ xuất cảnh của khách hàng;  b) Lập Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (trừ trường hợp giao hàng ở nước ngoài theo yêu cầu của khách);  c) Thực hiện gửi dữ liệu Phiếu giao hàng đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử được khắc phục, thực hiện gửi dữ liệu đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.  2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế  a) Chịu trách nhiệm vận chuyển và xuất trình hàng hóa kèm theo 02 liên Phiếu giao hàng theo Mẫu số 02/PGH Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này với Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh, để bàn giao hàng hóa này cho người mua hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh;  b) Trường hợp cửa hàng không xuất trình được Phiếu giao hàng có xác nhận của hải quan cửa khẩu khi Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế kiểm tra thì doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có trách nhiệm nộp đủ thuế như đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định hiện hành đối với số hàng đã bán.  3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế  a) Theo dõi phản hồi về Phiếu giao hàng đã được Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh xác nhận;  b) Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này;  c) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.  4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh:  a) Tiếp nhận Phiếu giao hàng do nhân viên của cửa hàng miễn thuế xuất trình tại quầy nhận hàng trong khu cách ly cửa khẩu xuất cảnh;  b) Kiểm tra đối chiếu hàng với nội dung kê khai trên Phiếu giao hàng;  c) Xác nhận ký tên và đóng dấu công chức trên Phiếu giao hàng;  d) Giao 01 liên Phiếu giao hàng cho nhân viên giao hàng của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế lưu, lưu 01 liên;  đ) Cuối mỗi ngày (ca) công chức hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận. Trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu gặp sự cố, trong vòng 24 giờ kể từ khi hệ thống được khắc phục, xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số phiếu giao hàng đã được xác nhận.  5. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế có nhiều cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tại nhiều địa điểm khác nhau chịu sự quản lý của các Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố khác nhau, khi thực hiện bán hàng cho khách chờ xuất cảnh tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa, doanh nghiệp được xuất hàng hóa cho khách từ cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế của doanh nghiệp thuộc quản lý của Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi người mua hàng xuất cảnh. |
| ***Điều 17. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ mua hàng tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa***  2. Trách nhiệm của **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế  b) Trên cơ sở quản lý rủi ro và dấu hiệu vi phạm pháp luật, **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện kiểm tra việc bán hàng miễn thuế thông qua hệ thống phần mềm của doanh nghiệp, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, ca-mê-ra giám sát hoặc kiểm tra trực tiếp hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế;  c) **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này. | Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại khoản 2 Điều 17 | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| ***Điều 18. Thủ tục bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế***  3. Trách nhiệm của **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế  b) **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này.  4. Trách nhiệm của **Chi cục Hải quan** nơi thực hiện thủ tục xuất cảnh tàu: Thực hiện niêm phong kho của tàu chứa hàng miễn thuế, xác nhận hàng qua khu vực giám sát (ký tên, đóng dấu công chức hải quan trên hóa đơn bán hàng) và giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh. | Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| ***Điều 19. Thủ tục bán hàng miễn thuế trực tuyến***  1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế  Ngoài các trách nhiệm khi bán hàng cho từng đối tượng quy định tại Điều 13, **Điều 14, Điều 15, Điều 16**, Điều 17, Điều 18 Nghị định này, doanh nghiệp thực hiện:  a) Nhập dữ liệu về thông tin khách hàng và hàng hóa vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử khi chấp nhận đơn hàng và hoàn tất thủ tục thanh toán. Riêng trường hợp bán cho khách chờ xuất cảnh, xuất cảnh, quá cảnh qua cảng hàng không dân dụng quốc tế, việc cập nhật thông tin về khách thông qua việc quét mã vạch trên thẻ lên tàu bay (boarding pass) trước khi thực hiện kiểm tra đối chiếu thông tin theo quy định điểm b khoản này;  b) Khi giao hàng cho khách mua hàng, kiểm tra đối chiếu thông tin mà khách đã kê khai khi mua hàng trực tuyến với thông tin trên các giấy tờ liên quan đến khách mua hàng theo quy định đối với từng đối tượng.  2. Trách nhiệm của **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế và **Chi cục Hải quan cửa khẩu** nơi người mua hàng xuất cảnh, nhập cảnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 13, **Điều 14, Điều 15, Điều 16**, Điều 17, Điều 18 Nghị định này tương ứng với từng đối tượng mua hàng miễn thuế. | - Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại khoản 2  - Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan cửa khẩu” thành cụm từ “Hải quan cửa khẩu” tại khoản 2  - Thay thế cụm từ “Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18” thành cụm từ “Điều 13, Điều 17, Điều 18” tại Điều 19. | - Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới.  - Điều 14, Điều 15, Điều 16 đã được đề nghị bãi bỏ nên cần bỏ cụm từ “Điều 14, Điều 15, Điều 16” tại Điều 19 để phù hợp. |
| ***Điều 20. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh nhưng giao ở nước ngoài theo yêu cầu của khách***  1. Địa điểm làm thủ tục hải quan: **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế sau khi khách mua hàng đã thực xuất cảnh. | Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại khoản 1 Điều 20 | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| ***Điều 21. Thủ tục đối với hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa, tái xuất***  2. Trường hợp hàng hóa nội địa được phép lưu thông theo quy định của pháp luật Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế sau đó đưa trở lại nội địa, doanh nghiệp kinh doanh cửa hàng miễn thuế, kho hàng miễn thuế thông báo cho **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo Mẫu số 10/DSHH Phụ lục II ban hành kèm Nghị định này và gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử. Trước khi đưa hàng hóa ra khỏi cửa hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện hủy tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã dán lên từng mặt hàng dưới sự giám sát của cơ quan hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế, lập biên bản về số tem “VIET NAM DUTY NOT PAID” đã hủy. | Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại khoản 2 Điều 21 | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| ***Điều 22. Thủ tục đối với hàng hóa tiêu hủy, hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế***  2. Đối với hàng mẫu, hàng dùng thử, túi, bao bì nhập khẩu để đựng hàng miễn thuế (không bao gồm hàng tặng kèm sản phẩm) thực hiện như sau:  b) Định kỳ hàng tháng (trong 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng), tổng hợp số liệu hàng mẫu, hàng thử, túi, bao bì nhập khẩu đã sử dụng, còn tồn của tháng trước gửi đến hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.  Trường hợp số liệu báo cáo của doanh nghiệp không có nghi ngờ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan hải quan xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số liệu báo cáo.  Trường hợp cơ quan hải quan nghi ngờ về số liệu doanh nghiệp báo cáo, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra các hồ sơ liên quan. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế lượng hàng tồn của cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế theo quyết định của **Cục trưởng Cục Hải quan**. **Cục trưởng Cục Hải quan** giao **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế tổ chức thực hiện kiểm tra chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.  Đối với trường hợp phức tạp, **Cục trưởng Cục Hải quan** ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.  Nội dung kiểm tra và kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản kiểm tra theo Mẫu số 13/BBKT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan hải quan thực hiện xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử về số liệu của doanh nghiệp theo kết luận kiểm tra. | Thay thế một số cụm từ tại điểm b khoản 2 Điều 22 như sau:  a) Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại điểm b khoản 2;  b) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan” thành “Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực” tại điểm b khoản 2. | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| ***Điều 24. Báo cáo quyết toán đối với hàng hóa đưa vào để bán tại cửa hàng miễn thuế***  2. Địa điểm nộp báo cáo quyết toán  Tại **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế.  4. Trách nhiệm của **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế: Tiếp nhận báo cáo quyết toán tình hình kinh doanh hàng miễn thuế do doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế nộp, kiểm tra báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều này và thực hiện:  a) Đối với báo cáo quyết toán phải thực hiện kiểm tra, cơ quan hải quan phải thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán;  b) Đối với báo cáo quyết toán không thuộc trường hợp phải kiểm tra, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán của doanh nghiệp, cơ quan hải quan phản hồi qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đến doanh nghiệp về báo cáo quyết toán được chấp nhận, không thực hiện kiểm tra. Đồng thời xác nhận trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử việc doanh nghiệp hoàn thành báo cáo quyết toán.  7. Thẩm quyền quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán: **Chi cục trưởng Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế quyết định kiểm tra và tổ chức thực hiện việc kiểm tra đối với các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.  8. Trình tự, thủ tục kiểm tra báo cáo quyết toán  a) Kiểm tra báo cáo quyết toán thực hiện theo Quyết định của **Chi cục trưởng Chi cục Hải quan** ban hành và gửi cho doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế biết trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra.  Quyết định kiểm tra phải có các thông tin: Người kiểm tra, người bị kiểm tra, nội dung kiểm tra, thời gian bắt đầu kiểm tra, thời gian kết thúc kiểm tra, địa điểm thực hiện việc kiểm tra;  b) Thời hạn cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế. Trường hợp phức tạp, **Chi cục trưởng Chi Cục Hải quan** ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.  Các nội dung kiểm tra được ghi nhận bằng các biên bản kiểm tra giữa đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế và đoàn kiểm tra. | Thay thế một số cụm từ tại Điều 24 như sau:  a) Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại khoản 2 và khoản 4;  b) Thay thế cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Hải quan” thành “Đội trưởng Hải quan” tại khoản 7 và khoản 8. | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| ***Điều 26. Trách nhiệm của đối tượng mua hàng miễn thuế quy định tại Điều 3 Nghị định này***  2. Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, chính sách mặt hàng nhập khẩu với cơ quan hải quan trong trường hợp mua hàng vượt tiêu chuẩn định lượng miễn thuế. | Sửa đổi khoản 2 Điều 26 như sau:  2. Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, chính sách mặt hàng nhập khẩu trong trường hợp mua hàng vượt tiêu chuẩn định lượng miễn thuế: kê khai, nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định và thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến hàng hóa nhập khẩu. | Quy định rõ hơn các trách nhiệm của đối tượng mua hàng vượt định mức miễn thuế |
| ***Điều 27. Công tác phối hợp của đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế và cơ quan hải quan***  1. **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế thống nhất với đơn vị kinh doanh cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu đường bộ quốc tế, đơn vị được giao quản lý cửa khẩu đường bộ quốc tế về địa điểm cơ quan hải quan thực hiện giám sát hàng hóa, tiền mặt đưa vào, đưa ra khu vực cách ly, khu vực hạn chế.  2. Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thông báo cho **Chi cục Hải quan** quản lý cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế danh sách những người có nhiệm vụ đưa hàng hóa, tiền mặt ra, vào khu cách ly, khu vực hạn chế và nhân viên bán hàng để đảm bảo các yêu cầu giám sát của cơ quan hải quan. | Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” thành cụm từ “Hải quan” tại Điều 27 | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| Điều 1, Điều 4, Điều 7, Điều 23 | Không sửa |  |
| Sửa đổi, bố sung Mẫu số 04/BCNKTKTL Phụ lục II | - Tại Mẫu số 04/BCNKTKTL có mục: “Chi cục hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế”. Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức mới đề xuất sửa đổi Mẫu số 04.  - Bỏ phần *“(Kèm theo công văn số ............ ngày ... tháng … năm... của ……)”* | - Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới  - Căn cứ đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 5, Báo cáo tình hình nhập khẩu, tồn kho và tiêu thụ thuốc lá tại cửa hàng miễn thuế thực hiện riêng lẻ, không gắn với công văn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá. |
| Sửa đổi, bố sung Mẫu số 06/BBBG Phụ lục II | Tại Mẫu số 06/BBBG có các mục: “Tổng cục Hải quan; Cục Hải quan, Chi cục Hải quan”; “Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, thành phố”; “Chi cục Hải quan nơi hàng hóa miễn thuế vận chuyển đi”; “Chi cục Hải quan nơi hàng hóa miễn thuế vận chuyển đến”. Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức mới đề xuất sửa đổi Mẫu số 06. | Đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới |
| Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 08/PGHKVTB Phụ lục II | - Trình bày lại phần ký xác nhận, phân định rõ ngày đi, ngày về và bổ sung ghi chú.  - Bỏ phần ghi Niêm phong HQ tại chỉ tiêu 19. | - Việc trình bày lại cho rõ ràng hơn để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.  - Bỏ phần ghi Niêm phong HQ tại chỉ tiêu 19 do đối với hàng hóa bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế, xe hàng được niêm phong ngay từ trên máy bay, không cần thiết sử dụng tới niêm phong hải quan, phù hợp với quy định tại Điều 11 |